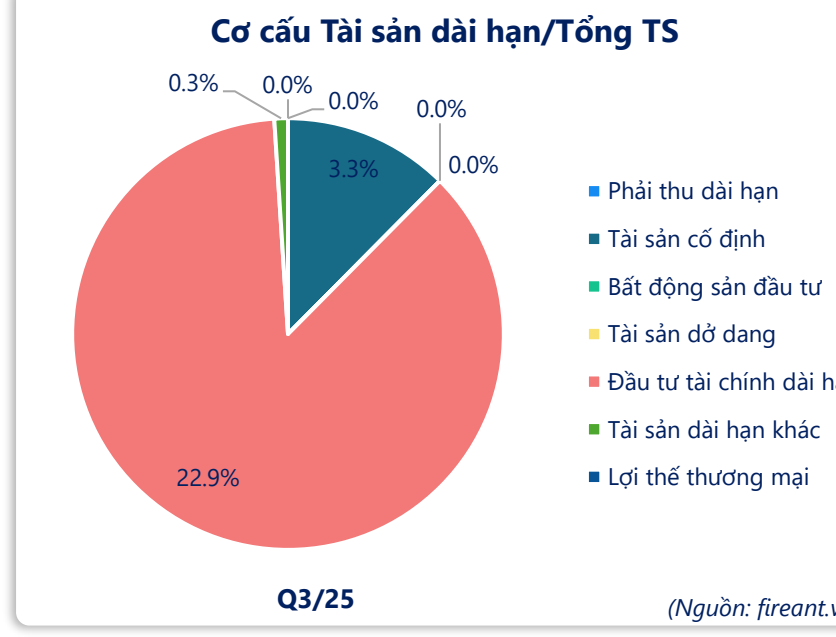
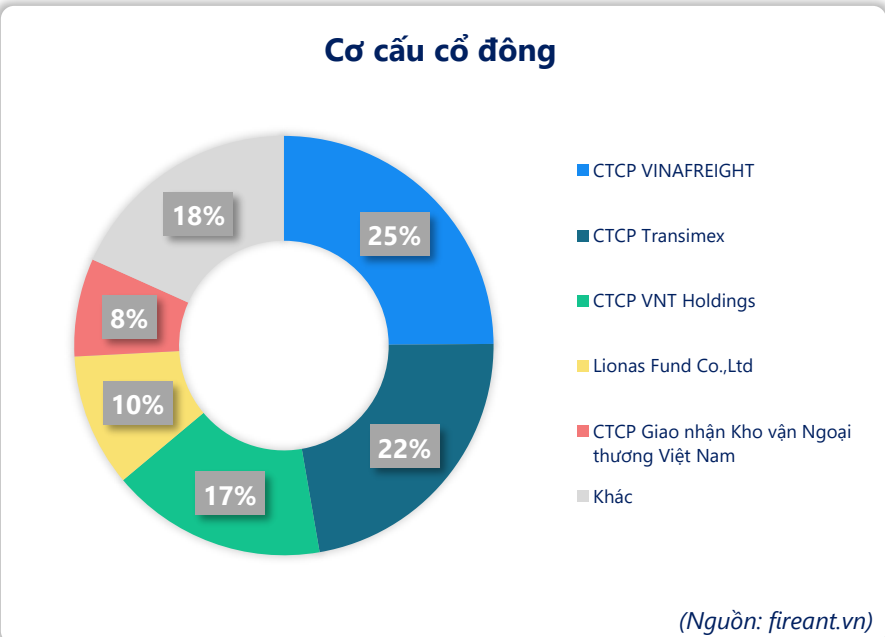
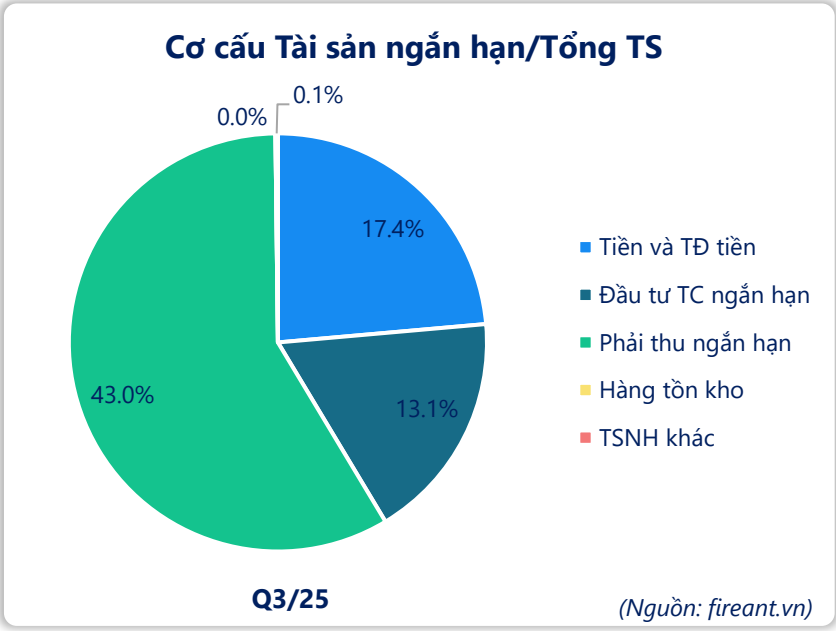
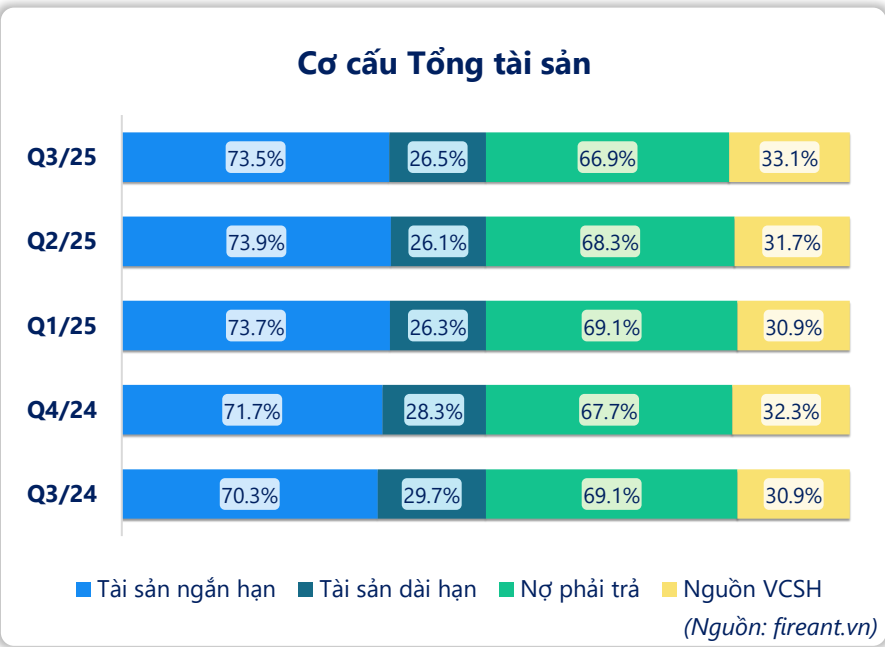
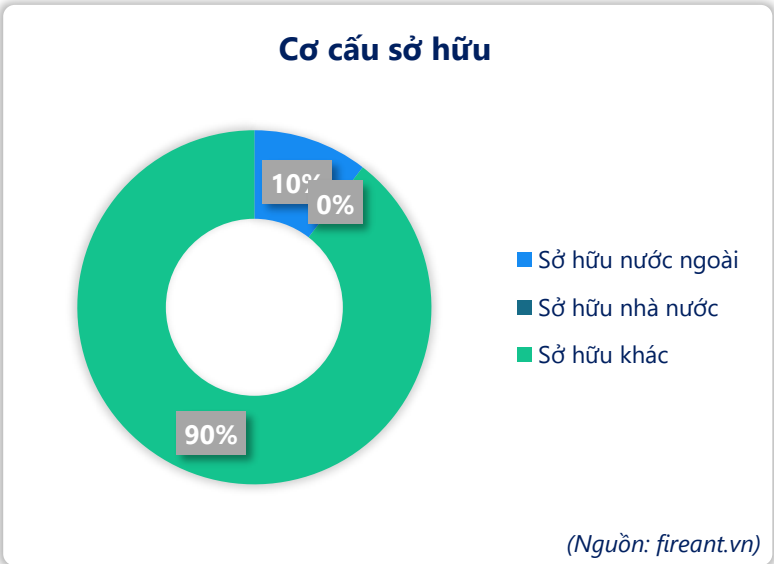
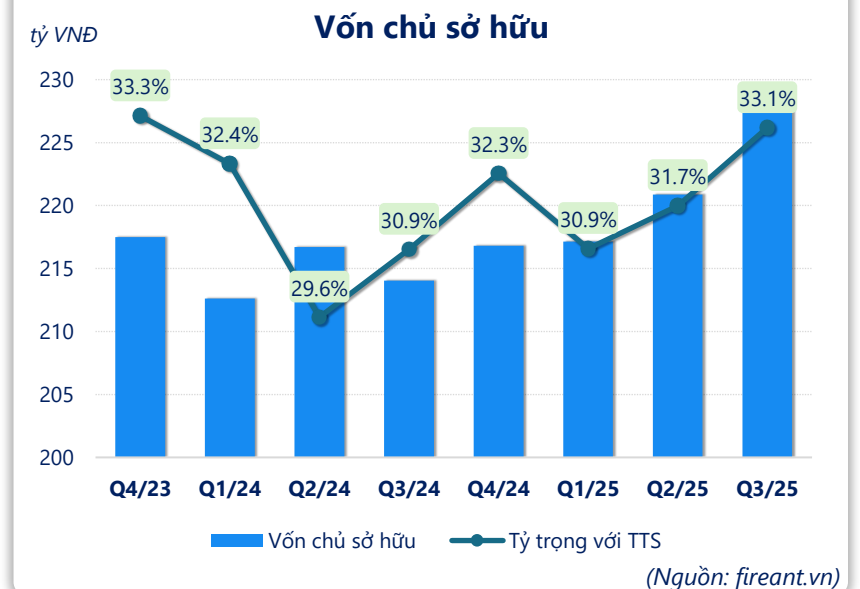
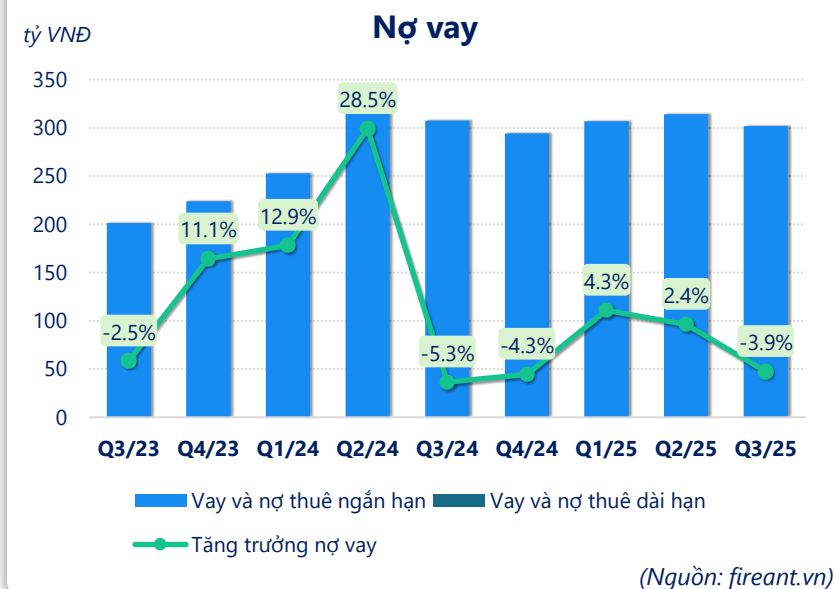
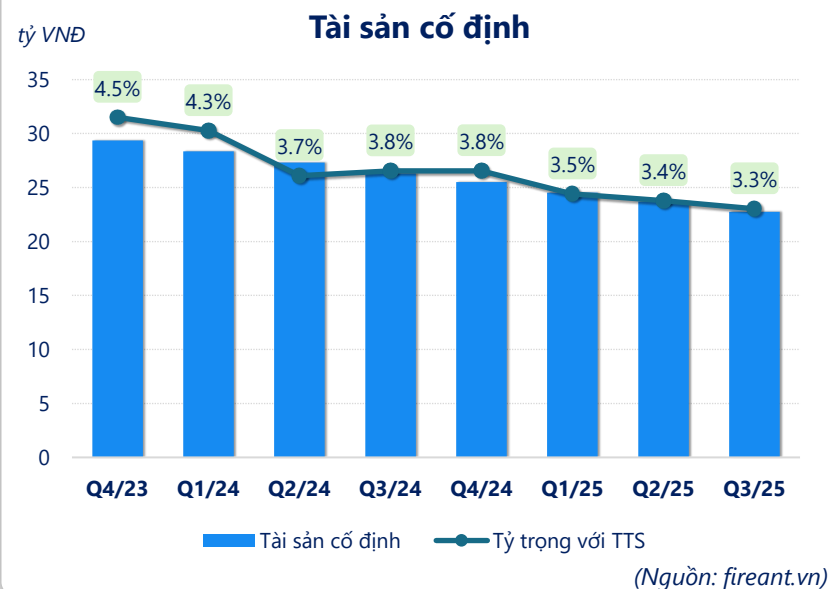
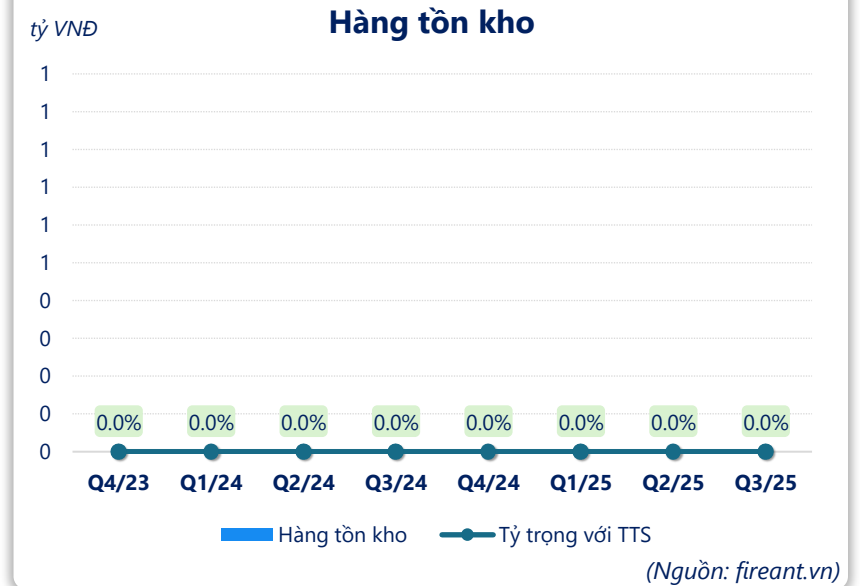
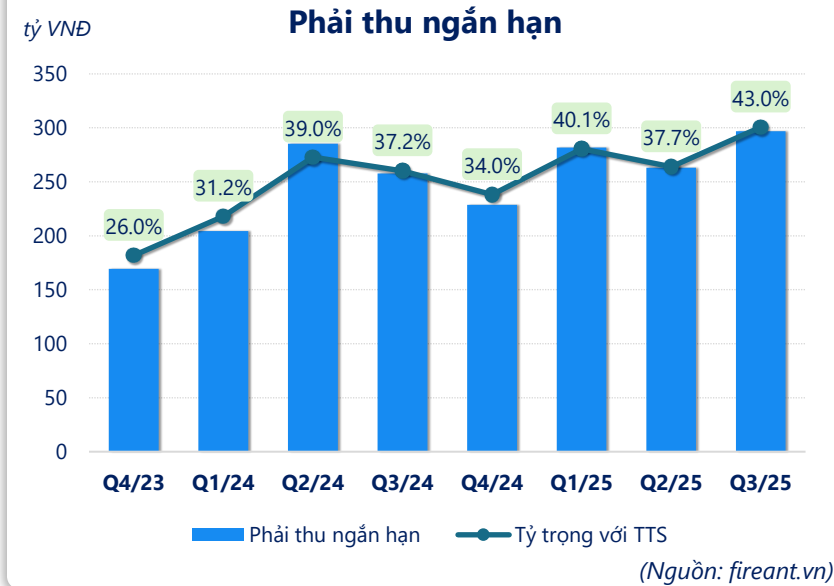
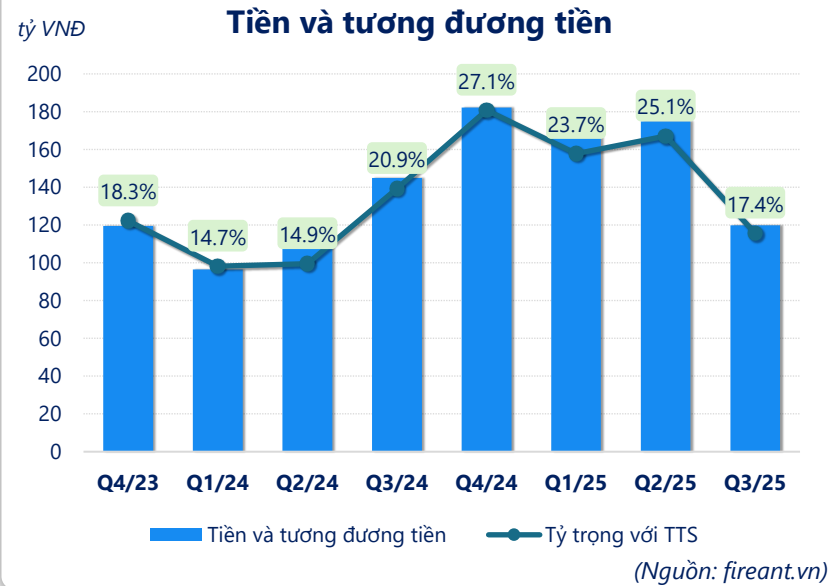
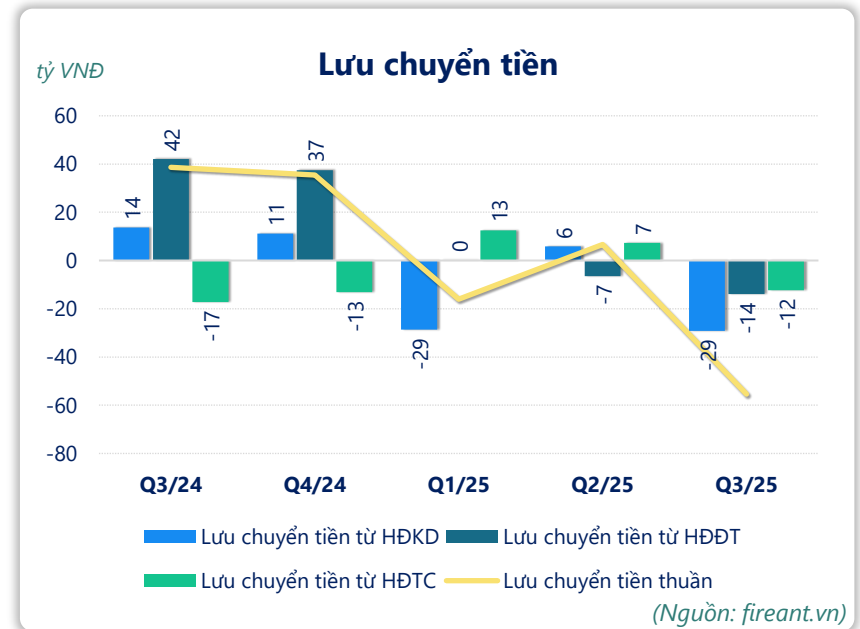
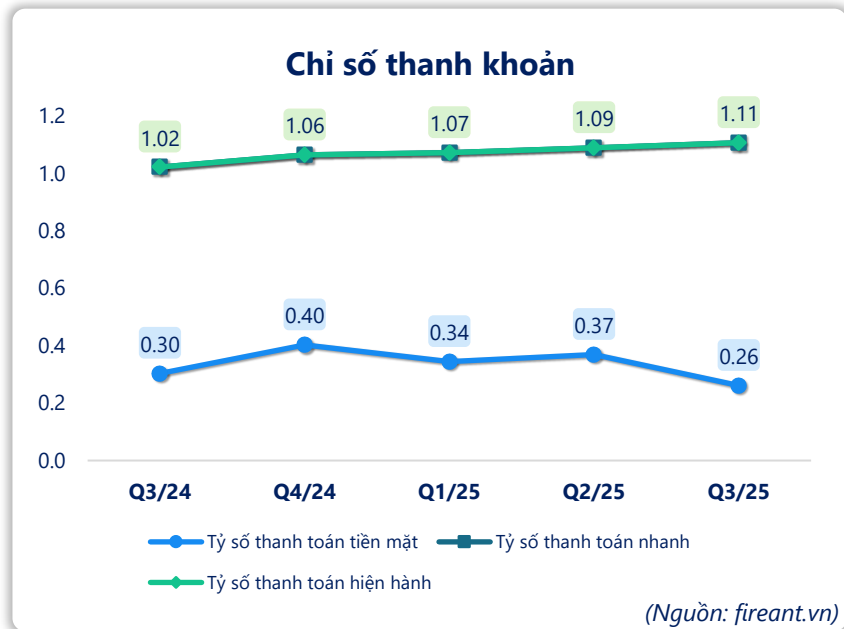
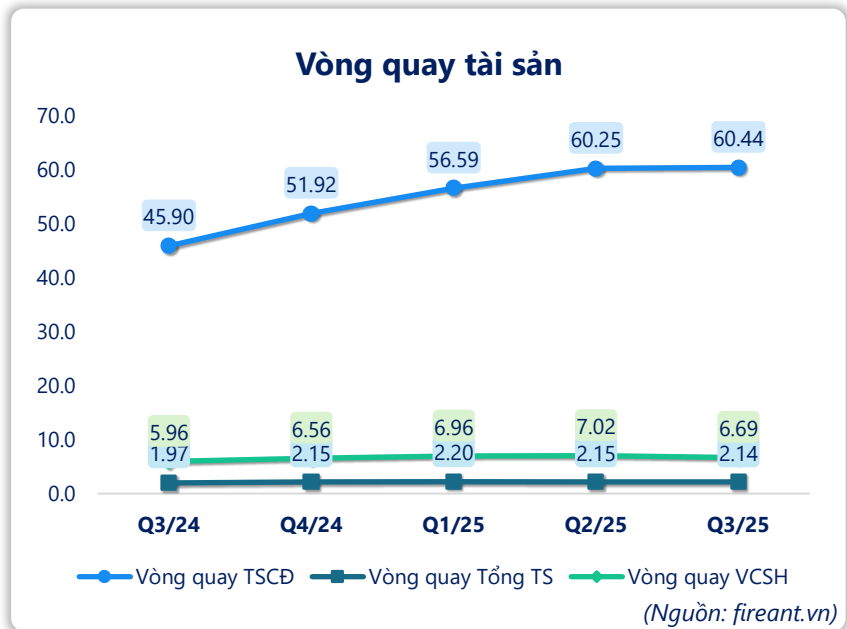
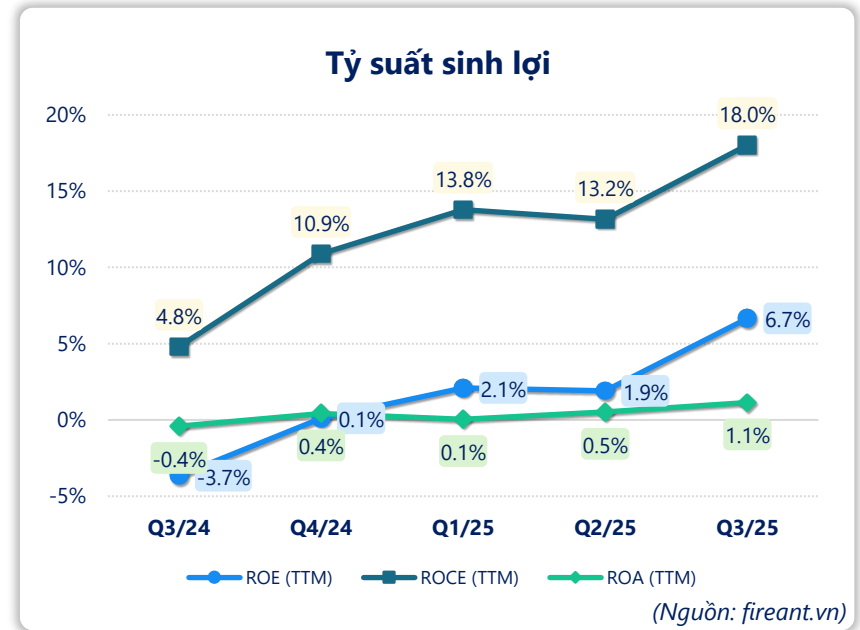
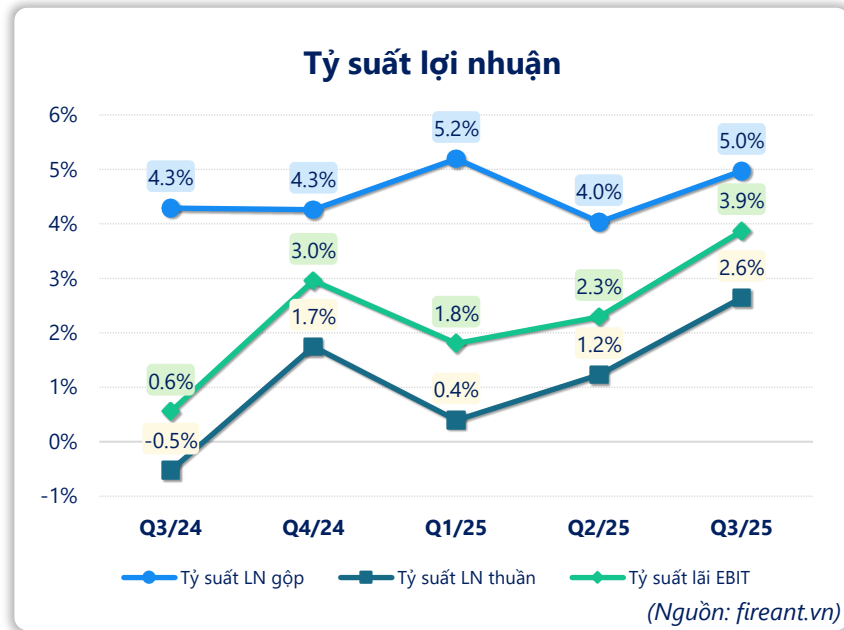
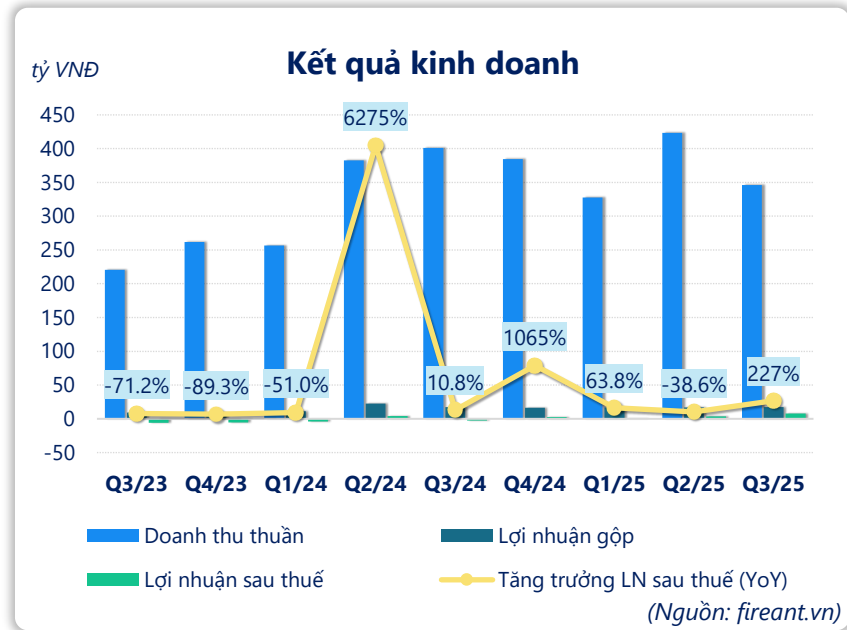


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		44,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,400
SL cổ phiếu LH		16,644,097
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15
% sở hữu nước ngoài		10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		488
P/E		33.1
EPS		886

	YTD	1T	3T	6T
VNT	5.0%	-26.0%	20.1%	-6.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	691	672	2.8%
Tài sản ngắn hạn	508	482	5.5%
Tiền và tương đương tiền	120	182	-34.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	90.5	67.1	34.9%
Phải thu ngắn hạn	297	229	29.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.96	3.70	-73.9%
Tài sản dài hạn	183	190	-4.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.7	25.5	-10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.74	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	158	164	-3.6%
Tài sản dài hạn khác	1.86	0.14	1276%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	462	455	1.5%
Nợ ngắn hạn	459	453	1.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	302	294	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	119	126	-5.3%
Nợ dài hạn	2.88	2.38	21.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	229	217	5.5%
Vốn chủ sở hữu	229	217	5.5%
Vốn điều lệ	167	167	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	401	384	328	424	346
Giá vốn hàng bán	384	368	311	407	329
Lợi nhuận gộp	17.2	16.4	17.0	17.1	17.2
Doanh thu HĐTC	2.70	16.4	1.61	3.70	3.54
Chi phí TC	8.02	4.91	4.28	4.85	4.43
Chi phí lãi vay	4.43	4.39	4.08	4.42	3.98
LN trong công ty LKLD	-4.57	-14.1	-4.48	-2.45	1.10
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	9.43	7.07	8.58	8.29	8.28
LN thuần từ HĐKD	-2.12	6.72	1.29	5.19	9.15
Lợi nhuận khác	-0.09	0.26	0.54	0.10	0.27
LN trước thuế	-2.20	6.98	1.83	5.29	9.42
Lợi nhuận sau thuế	-2.67	2.75	0.34	3.74	7.91
LNST của CĐ cty mẹ	-2.67	2.75	0.34	3.74	7.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.7	11.2	-28.7	5.87	-29.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	42.1	37.4	0.10	-6.55	-14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.2	-13.1	12.5	7.32	-12.3
Tiền đầu kỳ	109	145	182	167	175
Lưu chuyển tiền thuần	38.6	35.5	-16.0	6.65	-55.4
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.96	1.78	0.32	1.65	0.45
Tiền cuối kỳ	145	182	167	175	120

(Nguồn: fireant.vn)